

PHỤ LỤC 02**DANH MỤC**

Ghi 2: Tài sản cố định, vật tư, thiết bị không có nhu cầu sử dụng (máy móc thiết bị, vật tư hư hỏng) của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

1. Tài sản cố định (máy móc thiết bị):

stt	Hạng mục	ĐVT	SL	Năm sử dụng
1	Máy sục khí bề mặt Sumitomo Model PVD9060P3D-RLJ-25	cái	1	2010
2	Máy nghiền bi sứ 3 HP	cái	1	1994
3	Máy nghiền bi – Limatex Ball Mill model B25	cái	1	2004
4	Máy cán cao su C360 - 360A -- > 410	cái	1	1993
5	Máy cán cao su C360 - 360A -- > 410	cái	1	1993
6	Máy cán cao su C360 - 360A -- > 410	cái	1	1993
7	Máy ép kiện 100 tấn	cái	1	2013
8	Máy cán cắt 410	cái	1	2011
9	Máy ép kiện 100 tấn	cái	1	2011
10	Sân tennis (hàng rào sắt)	cái	1	2002

2. Vật tư, thiết bị không có nhu cầu sử dụng

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
1	Bánh vải trắng	Cái	14	2008	Cũ, không sử dụng
2	Bánh không đĩa quay bình xịt	Cái	35	2004	//
3	Bộ khóa nắp siu	Bộ	7	2006	//
4	Bút đo ghi nhiệt	Cây	25	2002	//
5	Bánh cước	Cái	8	2004	//
6	Boullon khớp nối loại lớn	Cái	80	2009	//
7	Boullon khớp nối mẫu	Cái	158	2009	//
8	Cao su khớp nối lớn	Cái	68	2009	//
9	Cao su khớp nối loại nhỏ	Cái	130	2009	//
10	Cây bơm xăng dầu 5 lít	Cây	1	2017	//
11	Đá bùn	Viên	39	2002	//
12	Đá nhám	Viên	1.683	2002	//
13	Đĩa quay bình xịt	Cái	28	2004	//
14	Da bơm bình xịt	Cái	29	2004	//
15	Dao lai ghép	Cái	280	2010	//
16	Dây lai ghép	Kg	100	2010	//

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
17	Giày thấp cổ Thượng đình	Đôi	1.100	2008	Cũ, dễ bị chảy nhựa
18	Họng cứu hỏa 100	Bộ	1	2002	Cũ, không sử dụng
19	Khăn chống muỗi	Cái	70	2004	//
20	Keo Epoxy 4 kg	Thùng	1	2013	//
21	Lò xo lưỡi kéo cắt nhánh	Cái	77	2005	//
22	Lọc nước máy nóng lạnh	Cái	16	2006	//
23	Lược nhót máy ép	Cái	6	2007	//
24	Mô tơ xịt thuốc 6v	Cái	22	2008	//
25	Ống phiếu chế acide	Cây	35	2008	//
26	Pitton maly xit 5HP	Cái	5	2002	//
27	Rập cạo mù	Cái	14	2002	//
28	Tay đèn máy xịt 5HP	Cái	9	2002	//
29	Thùng đựng thẻ xuất mù	Cái	2	2002	//
30	Bóng đèn cao áp 160W	Cái	20	2002	Cũ, không sử dụng, thay đổi công nghệ
31	Bóng đèn cao áp 250W	Cái	41	2002	//
32	Bóng đèn cao áp 300W	Cái	4	2002	//
33	Bóng đèn cao áp 500W	Cái	15	2002	//
34	Bóng đèn tròn 75W	Cái	25	2002	//
35	Bộ đèn đĩa	Bộ	9	2008	//
36	Bột Tale	Kg	500	2015	Sản xuất mù tò, thay đổi công nghệ
37	Cồn đốt 90	Lít	150	2024	Không sử dụng, thay đổi công nghệ
38	Cầu dao 2 pha 200A	Cái	2	2002	Cũ, Không sử dụng
39	Cầu dao 3 pha 60A	Cái	2	2002	//
40	Chớp cháy 40W	Cái	110	2002	//
41	Đồng hồ Amonia 0,30	Cái	3	2002	Hư, cũ, không sử dụng, thay đổi công nghệ
42	Đồng hồ áp suất 0-10kg	Cái	11	2002	//
43	Đồng hồ áp suất dầu 0-250/cm	Cái	11	2002	//
44	Đồng hồ dd 0/0 0 - 100 omrom	Cái	1	2002	//
45	Đồng hồ nhiệt	Cái	2	2002	//
46	Đồng hồ nhiệt 0-150°	Cái	3	2002	//
47	Đồng hồ nhiệt 160°	Cái	4	2002	//
48	Đồng hồ nhiệt điện tử (T4 MA)	Bộ	1	2003	//
49	Đồng hồ nhiệt độ 200° C	Cái	1	2003	//
50	Đồng hồ nhiệt độ 250° C	Cái	5	2003	//
51	Đồng hồ nhiệt độ 650° C	Cái	1	2003	//
52	Đồng hồ Sinco 4000C	Cái	4	2002	//
53	Đồng hồ nhiệt OMRON	Cái	10	2010	//
54	Đồng hồ K.A.O 240	Cái	4	2003	//

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
55	Giấy ghi nhiệt	Tờ	1.700	2002	//
56	Hóa chất PCCC	Chai	2	2003	//
57	Hộp kiểm tra Landis GYRLOA	Cái	36	2003	//
58	Máng chóa 0,6m	Cái	17	2002	//
59	Máng nhôm đèn tếp 0,6m	Cái	79	2002	//
60	Nhãn tem SVR 5(cũ)	Tờ	60.000	2019	//
61	Nhãn tem SVR 10(cũ)	Tờ	30.100	2019	//
62	Nhãn tem SVR 20(cũ)	Tờ	51.400	2019	//
63	Nhãn tem SVR CV60 VRG(cũ)	Tờ	20.000	2019	//
64	Nhãn tem SVR 3L VRG(cũ)	Tờ	211.000	2019	//
65	Ống Bakelit	Cái	10	2002	//
66	Ổ cắm tế bào quang điện	Cái	13	2007	//
67	Tế bào quang điện	Cái	43	2006	//
68	Túi bầu 42x21	Kg	738	2013	//
69	Bạc đạn NSL 2310 (7310)	Cái	9	2008	//
70	Bạc đạn 28680	Cái	18	2004	//
71	Bạc đạn 1307 (31,8x69,2)	Cái	5	2002	//
72	Bạc đạn 1313 HFSKF	Cái	10	2002	//
73	Bạc đạn 22209	Cái	3	2004	//
74	Bạc đạn 7318 EM	Cái	11	2002	//
75	Bạc đạn 22316	Cái	8	2002	//
76	Bạc đạn 25580/20	Cái	8	2002	//
77	Bạc đạn 31313 N	Cái	9	2002	//
78	Bạc đạn 6410 PTCB	Cái	10	2002	//
79	Bạc đạn 22319 SKF	Cái	7	2003	//
80	Bạc đạn 7305	Cái	2	2003	//
81	Bạc đạn 7307 PEF PTCB	Cái	8	2003	//
82	Bạc đạn 7815 LX	Cái	5	2003	//
83	Bạc đạn 32215	Cái	2	2003	//
84	Bạc đạn 511 SKF (yar 211)	Cái	6	2003	//
85	Bạc đạn 7308 B	Cái	5	2003	//
86	Bạc đạn 7317	Cái	8	2003	//
87	Bạc đạn chà 8109(45x52x14)	Cái	18	2003	//
88	Bơm dầu Suntes	Cái	6	2002	//
89	Bơm dầu AS 67	Cái	9	2002	//
90	Bì máy nghiền	Kg	865	2002	//
91	Cánh quạt nhôm lò xông	Cái	2	2010	//
92	Công tắc phụ (PTCB)	Cái	25	2002	//
93	Dao máy cắt miếng	Bộ	1	2008	//
94	Đề ma rửa	Cái	1	2004	//
95	Đầu đốt NUWAY	Cái	1	2010	//
96	Điện cực đánh lửa	Cái	31	2005	//
97	Dụng cụ đo DRC	Cái	14	2010	//
98	Dao băm thô	Bộ	4	2008	//

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
99	Ke góc thùng INOXYD	Cái	408	2004	//
100	Kim phun 2.5-6.0	Cái	13	2008	//
101	Lọc dầu thủy lực máy ép	Cái	8	2007	//
102	Lược dầu CoMin (máy phát điện)	Cái	2	2007	//
103	Lọc nhớt máy ép	Cái	12	2007	//
104	Mâm romooc 900-16	Cái	19	2001	//
105	Mâm xe 20 RC	Cái	3	2001	//
106	Mâm xe 750-20	Cái	5	2001	//
107	Phụ tùng máy CB (mũ côm)	Cụm	1	2008	//
108	Ron cao su 4m/m	Kg	410	2009	//
109	Ron xốp 15x20	Kg	50	2011	//
110	Ruột xe 900-20	Cái	7	2002	//
111	Ruột xe 750-20	Cái	5	2002	//
112	Ruột 700-16	Cái	2	2002	//
113	Sin lược dầu đầu đốt	Sợi	30	2005	//
114	Sin thủy lực máy ép 100T	Bộ	7	2005	//
115	Vis bố thắng 5x50	Cái	3.460	2004	//
116	Vỏ ruột xe 600-15	Cái	1	2002	//
117	Vỏ ruột xe 600-9	Cái	3	2002	//
118	Vỏ ruột xe 700-12	Cái	8	2002	//
119	Vỏ ruột xe 550-15 (650-15)	Cái	3	2002	//
120	Vỏ xe 225/75-16 (750-16)	Cái	2	2002	//
121	Vỏ xe 215/60-16 (185/R14)	Cái	2	2002	//
122	Vỏ xe 18-110-30(14.9/13-28)	Cái	2	2002	//
123	Vỏ ruột 11.2.20 (900-20)	Cái	1	2002	//
124	Moteur đầu đốt 250W	Cái	2	2008	//
125	Moteur đầu đốt 750W	Cái	2	2008	//
126	Moteur giảm tốc 1/2 HP	Cái	1	2008	//
127	Moteur 6V	Cái	4	2008	//
128	Khung sắt cũ	kg	90		//
129	Van áp suất cao ,thấp (PT máy CB)	Cái	1	2004	//
130	Bình xịt tia nhựa	Cái	5	2002	//
131	Bình xịt nước	Cái	138	2008	//
132	Nón ny lon bao tóc	Cái	147	2005	//
133	Ruột lọc nước	Cái	3	2006	//
134	Thước đo chiều sâu vỏ cây	Cái	253	2006	//
135	Van từ Vicker 20A-220V	Cái	2	2008	//
136	Van PVC 76	Cái	22	2002	//
137	Áp tomate 3 pha 500A	Cái	2	2002	//
138	Casein	Kg	134,75	2014	//
139	Đồng hồ nhiệt độ 250oC	Cái	1	2002	//
140	Đồng hồ cốt pha	Cái	7	2002	//
141	Thuốc Cloramin B	kg	4	2019	//
142	Bạc đạn 22217 (có m.song)	Cái	7	2002	//

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
143	Bạc đạn 22222 + măng song	Cái	7	2002	//
144	Bạc đạn 51209 KV(1209)	Cái	2	2002	//
145	Béc dầu 300	Cái	28	2002	//
146	Béc dầu MTZ 80	Cái	4	2002	//
147	Béc dầu 200	Cái	9	2002	//
148	Bộ điều khiển nhiệt	Cái	7	2013	//
149	Bạc đạn máy cưa	Cái	2	2002	//
150	Bạc đạn đầu xít	Cái	2	2002	//
151	Bánh xe thùng xẩy cao su	Cái	136	2002	//
152	Cần chuyển hướng	Cái	1	2002	//
153	Dây couro 6204	Sợi	18	2005	//
154	Dây couro A 32	Sợi	5	2002	//
155	Dây couro mắc (vây cá)	Sợi	3,5	2002	//
156	Dây couro 311201060	Sợi	9	2002	//
157	Dây couro A 58	Sợi	5	2002	//
158	Dây couro B 90	Sợi	11	2002	//
159	Dây couro B 95	Sợi	20	2002	//
160	Dây couro C 104	Sợi	22	2002	//
161	Dây couro C 110	Sợi	12	2002	//
162	Dây couro C 114	Sợi	20	2004	//
163	Dây couro C 130	Sợi	18	2004	//
164	Dây couro C 135	Sợi	10	2004	//
165	Dây couro 1331975	Sợi	8	2004	//
166	Dây couro 28403	Sợi	8	2004	//
167	Dây couro C 36 răng	Sợi	15	2004	//
168	Dây couro C 40	Sợi	3	2002	//
169	Dây couro 1422240	Sợi	8	2002	//
170	Dây couro 1422270	Sợi	11	2002	//
171	Dây couro B 20	Sợi	6	2002	//
172	Dây couro C 112	Sợi	24	2002	//
173	Dây couro C 144	Sợi	14	2002	//
174	Dây couro C 68	Sợi	3	2002	//
175	Dây couro S 48 NM 85	Sợi	8	2002	//
176	Dây couro răng cưa 526017625	Sợi	7	2002	//
177	Dây couro tăng tốc 1022 v 196	Sợi	17	2002	//
178	Dây couro 30x10878 1922V338	Sợi	21	2002	//
179	Dây couro F 44	Sợi	20	2002	//
180	Dây couro A 38	Sợi	10	2002	//
181	Dây couro xe 70H 1444	Sợi	1	2005	//
182	Dây couro 6450	Sợi	23	2005	//
183	Dây couro 6500	Sợi	10	2005	//
184	Dây couro 6400	Sợi	14	2005	//

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
185	Dây couro 6490	Sợi	60	2005	//
186	Dây Curo A 69	Sợi	4	2002	//
187	Dây Couro 7PK 1030	Sợi	8	2002	//
188	Dây couro B 103	Sợi	17	2002	//
189	Dây Couro 6440	Sợi	17	2005	//
190	Dây Couro 6470	Sợi	6	2005	//
191	Dây couro A 28	Sợi	14	2002	//
192	Dây cuoro C 102	Sợi	20	2002	//
193	Dây cuoro Isuzu	Sợi	4	2008	//
194	Dây couro máy 7 chỗ	Sợi	3	2008	//
195	Niền mâm ô tô	Cái	4	2008	//
196	Hộp giảm tốc EK ben di động	Cái	1	2002	//
197	Lọc gió bom màng	Cái	19	2009	//
198	Phoát 20x35x7	Cái	8	2002	//
199	Phốt 20x40x10	Cái	16	2002	//
200	Phốt 25x85x8	Cái	48	2002	//
201	Phốt 35x55x9	Cái	26	2002	//
202	Phốt 35x62x10	Cái	9	2002	//
203	Phốt 35x7x15.43x35x5	Cái	9	2002	//
204	Phốt 38x52.5x8	Cái	6	2002	//
205	Phốt 38x54x10 (phốt đội thùng)	Cái	59	2002	//
206	Phốt 40x52	Cái	19	2002	//
207	Phốt 50x75x10	Cái	15	2002	//
208	Phốt 57x80x13	Cái	10	2002	//
209	Phoát 100x120x13	Cái	46	2002	//
210	Phốt 100x125x13	Cái	1	2002	//
211	Phốt 100x127x13	Cái	3	2002	//
212	Phốt 145x120x13	Cái	27	2002	//
213	Phốt 35x46x7	Cái	6	2002	//
214	Phốt 35x47x7	Cái	20	2002	//
215	Phốt 35x48x7	Cái	2	2002	//
216	Phốt 40x65x10	Cái	14	2002	//
217	Phốt 42x62x10	Cái	2	2002	//
218	Phốt 47x85x8	Cái	67	2002	//
219	Phốt 50x75x13	Cái	24	2002	//
220	Phốt 55x75x9	Cái	14	2002	//
221	Phốt 55x70x9	Cái	17	2002	//
222	Phốt 55x80x10	Cái	21	2002	//
223	Phốt 58x75x10	Cái	12	2002	//
224	Phốt 65x95x8	Cái	11	2002	//
225	Phốt 112x136	Cái	16	2002	//
226	Phốt 120x160x16	Cái	7	2002	//
227	Phốt 158x184	Cái	9	2002	//

Stt	Máy móc thiết bị, xe máy, vật tư	Đvt	Số lượng	Năm sản xuất/ năm nhập kho	Hiện trạng
228	Phốt máy mũ kem (35x70x70)	Cái	16	2002	//
229	Phốt 14866	Cái	5	2002	//
230	Phốt tay lái 42x58x10	Cái	19	2002	//
231	Phốt xe nâng (nhật)	Bộ	4	2002	//
232	Phốt cầu 62x93	Cái	5	2002	//
233	Phốt 30x45	Cái	9	2002	//
234	Phốt 115x140x13	Cái	14	2002	//
235	Phốt 60x88	Cái	21	2002	//
236	Phốt 20x42x7	Cái	15	2002	//
237	Phốt 19x32.7	Cái	4	2002	//
238	Phốt 40x90	Cái	12	2002	//
239	Phốt 45x75x8	Cái	9	2002	//
240	Phốt ben thủy lực 100T	Bộ	4	2006	//
241	Phốt 62x93	Cái	28	2002	//
242	Phốt 17x30	Cái	4	2002	//
243	Phốt 25x40	Cái	4	2002	//
244	Sin 80x40	Cái	9	2006	//
245	Sin 9m/m (vòng cs mũ kem)	Mét	44	2008	//
246	Sin 5x1.5	Sợi	50	2008	//
247	Sin 45x3	Sợi	24	2008	//
248	Sin 80x3	Sợi	50	2008	//
249	Sin 45x3.5	Sợi	100	2008	//
250	Sin 60x3.5	Sợi	31	2008	//
251	Sin 74x3.5	Sợi	50	2008	//
252	Sin 45x5.7	Sợi	50	2008	//
253	Sin 75x5.7	Sợi	50	2008	//
254	Sin 85x5.7	Sợi	50	2008	//
255	Van VICTOR 220 x 240	Bộ	2	2002	//
256	Vicker Oil Cooler	Cái	3	2002	//
257	Trục cán 410	cái	6		Trục mòn, không phục hồi được
258	Trục băm 410	cái	2		//
259	Máy trộn phân	cái	2		//
260	Sắt phế liệu	ký	500		//
261	Máy nén khí	cái	1		hư hỏng, không sử dụng

